

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thỏ.

Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-DS ngày 26/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/QĐST-DS ngày 13/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim B** (L), sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: khóm Vĩnh T, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Mỹ T, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phan Văn Đ.** (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Mỹ T, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim B trình bày:

Vào năm 2021 bà có tham gia chơi hụi do bà Trần Thị C làm chủ hụi. Bà tham gia đây hụi 1.000.000 đồng, khai vào ngày 25/9/2021 âm lịch, mỗi tháng

khui một lần, dây hụi gồm có 24 phần, bà tham gia 02 phần, danh sách hụi ghi tên “LŨN”. Dây hụi khai được kỳ 18, đến lần khai kỳ 19 thì bà C ngưng không tiếp tục khai nữa. Mặc dù hụi ngưng khai nhưng bà C vẫn đi gom hụi chết của những người khác. Từ khi ngưng khai hụi đến nay phía bà C không có trả lại tiền hụi cho bà. Bà có nhiều lần đến nhà để yêu cầu bà C và chồng bà C là ông Phan Văn Đ trả tiền hụi, nhưng bà C và ông Đ vẫn không trả mà chỉ hứa cho qua. Việc ngưng khai hụi là lỗi của bà C nên bà yêu cầu tính mỗi lần hụi là 1.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần, 18 kỳ khai, tổng số tiền là 36.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C cùng chồng là ông Phan Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền hụi còn nợ là 36.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Trần Thị C và ông Phan Văn Đ trả lại số tiền hụi còn nợ là 16.220.000 đồng.

- Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/4/2024 bị đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà thừa nhận vào năm 2021 bà có làm chủ hụi, dây hụi tháng, hụi 1.000.000 đồng, dây hụi khai ngày nào bà không nhớ. Trong dây hụi này có bà Phạm Thị Kim B tham gia 02 phần, danh sách hụi ghi tên “LŨN”. Dây hụi này khai nửa chừng thì ngưng, nhưng không nhớ kỳ thứ mấy. Sau khi ngưng khai thì giữa bà với bà B có thỏa thuận với nhau và bà còn thiếu lại bà B số tiền hụi là 22.220.000 đồng. Sau đó, thì do bà G không nhớ rõ họ ở khóm Vĩnh S, phường C, thị xã N có thiếu bà số tiền hụi 6.000.000 đồng nên bà kêu bà G trả luôn cho bà B. Hiện bà chỉ còn thiếu tiền hụi bà B là 16.220.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà B số tiền 16.220.000 đồng. Đối với ông Phan Văn Đ là chồng của bà, việc bà thiếu tiền hụi của bà B thì chồng bà biết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX xem xét đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn nợ. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ: tại khóm Mỹ T, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc

Trăng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền hui 19.780.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền hui còn nợ là 16.220.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận hiện còn nợ nguyên đơn số tiền hui 16.220.000 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này. Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền hui còn nợ 16.220.000 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn trả số tiền nợ hui. Xét thấy, giữa bị đơn với ông Phan Văn Đ là vợ chồng và nghĩa vụ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra, theo bị đơn thì ông Đ biết việc bị đơn có nợ tiền hui của nguyên đơn. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn trả số tiền hui còn nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và

gia đình và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim B.

Buộc bị đơn bà Trần Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim B số tiền hui còn nợ là 16.220.000 đồng (*mười sáu triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim B về việc buộc bị đơn bà Trần Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ trả số tiền nợ hui còn nợ là 19.780.000 đồng (*mười chín triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bị đơn bà Trần Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 811.000 đồng (*tám trăm mười một ngàn đồng*).

+ Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim B không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn bà B đã nộp 900.000 đồng (*chín trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002535 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn

